

Số: /KH-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

KẾ HOẠCH

Rà soát, hệ thống hóa văn bản nhằm chuẩn hóa cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/04/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Chương trình hành động của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản nhằm chuẩn hóa cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả nhiệm vụ và giải pháp trong Nghị quyết số 66-NQ/TW; Chương trình hành động của Tỉnh ủy.
- Sắp xếp các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh một cách có hệ thống, đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý nhà nước trong việc cập nhật áp dụng văn bản.
- Bảo đảm cập nhật đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh, tăng cường tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật, giúp người dân, doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước dễ dàng tìm kiếm, tra cứu các văn bản QPPL một cách nhanh chóng và chính xác.
- Xác định cụ thể nội dung các công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành, trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh trong việc tổ chức thực hiện chuẩn hóa cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh; giúp công tác xây dựng, áp dụng, thi hành pháp luật được hiệu quả, thuận tiện.
- Xác định cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan trong việc tổ chức thực hiện chuẩn hóa cơ sở dữ liệu văn bản QPPL của tỉnh.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Đối tượng, phạm vi rà soát, hệ thống hóa

Đối tượng, phạm vi rà soát, hệ thống hóa là các văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực và văn bản quy phạm pháp luật được ban hành nhưng chưa có hiệu lực tính từ năm 1991 đến ngày 31/12/2025 thuộc trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa

của các cơ quan theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và Nghị định hướng dẫn thi hành.

2. Hướng dẫn rà soát, hệ thống hóa văn bản nhằm chuẩn hóa cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh

a) Xây dựng tài liệu hướng dẫn

- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh.
- Thời gian hoàn thành: trong tháng 8/2025.

b) Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình rà soát, hệ thống hóa, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thực hiện

- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

3. Tổ chức rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

3.1. Giai đoạn 1: từ tháng 8/2025 đến ngày 30/6/2026

a) Tập hợp các Nghị quyết, Quyết định QPPL còn hiệu lực trong giai đoạn 1991-2020

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành cấp tỉnh
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp
- Thời gian hoàn thành: Tháng 10 năm 2025

b) Thực hiện rà soát văn bản, hệ thống hóa để chuẩn hóa cơ sở dữ liệu văn bản

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành cấp tỉnh
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp
- Thời gian hoàn thành: Tháng 02 năm 2026

c) Lập các danh mục văn bản theo Mẫu số 01, 02, 03, 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành cấp tỉnh
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp
- Thời gian hoàn thành: Tháng 3 năm 2026

d) Kiểm tra lại kết quả rà soát văn bản và rà soát bổ sung; báo cáo kết quả thực hiện giai đoạn 1

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành cấp tỉnh

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp
- Thời gian hoàn thành: Tháng 6 năm 2026

3.2. Giai đoạn 2: Từ tháng 7/2026 đến ngày 31/12/2026

a) Tập hợp các Nghị quyết, Quyết định QPPL còn hiệu lực trong giai đoạn 2021-2025

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành cấp tỉnh
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp
- Thời gian hoàn thành: Tháng 7 năm 2026

b) Thực hiện rà soát văn bản, hệ thống hóa để chuẩn hóa cơ sở dữ liệu văn bản

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành cấp tỉnh
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp
- Thời gian hoàn thành: Tháng 9 năm 2026

c) Lập các danh mục văn bản theo Mẫu số 01, 02, 03, 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành cấp tỉnh
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp
- Thời gian hoàn thành: Tháng 10 năm 2026

d) Kiểm tra lại kết quả rà soát văn bản và rà soát bổ sung; báo cáo kết quả thực hiện giai đoạn 2

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành cấp tỉnh
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp
- Thời gian hoàn thành: Tháng 11 năm 2026

đ) Tổng hợp Báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản để chuẩn hóa cơ sở dữ liệu văn bản

- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp
- Cơ quan phối hợp: Sở, ban, ngành cấp tỉnh
- Thời gian hoàn thành: Tháng 12 năm 2026.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp

- Theo thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch này đảm bảo chất lượng, kịp thời theo thời hạn.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu, tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện.
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao Kế hoạch này, báo cáo kết quả thực hiện của đơn vị mình về UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành

- Chủ động rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực quản lý để tham mưu cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản mới hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung chưa phù hợp, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, khả thi của các văn bản QPPL.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý chủ động triển khai thực hiện Kế hoạch này đảm bảo phù hợp, hiệu quả; báo cáo kết quả thực hiện của đơn vị mình về UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) theo quy định.

Quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Tư pháp để được hướng dẫn, giải quyết; trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Nội chính - Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế - HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH;
- Lưu: VT, NC₃.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh

